

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/DS-PT
Ngày 06-4-2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất; đòi bồi thường thiệt hại về tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngôn Ngọc Viên

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Như

Bà Nguyễn Thị Vân Khánh

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà TF Thị Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất; đòi bồi thường thiệt hại về tài sản*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nông Thị A; địa chỉ: Xóm B, xã C, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt tại phiên tòa

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: anh Mã Văn D, chị Nông Thị Đ; cùng địa chỉ: Xóm B, xã C, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng; Anh D và chị Đ cùng có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nông Văn E - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn:

1. Nông Văn F, sinh năm 1955. Đại diện theo ủy quyền: Anh Nông Văn G. Ông F, anh G có mặt tại phiên tòa

2. Bà Nông Thị H, sinh năm 1954; vắng mặt tại phiên tòa

3. Anh Nông Văn G, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Xóm B, xã C, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng; có mặt tại phiên tòa

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt, có lý do.

+ Ủy ban nhân dân xã C, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt, có lý do.

+ Hạt kiểm lâm huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt, có lý do

+ Anh Mã Văn D, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Xóm B, xã C, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng; có mặt

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nông Thị A

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, bà Nông Thị A trình bày: Gia đình có 01 thửa đất được khai hoang từ năm 1990, đến năm 1992 chồng bà là ông Mã Văn I sang Trung Quốc lấy cây sa mộc và lấy hạt Thông về trồng trên diện tích đất khoảng 4.000m². Năm 2001 nhà nước có dự án EU và hỗ trợ 200 cây thông nên gia đình tiếp tục trồng xen canh hai loại cây với nhau. Năm 2006 được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Mã Văn I, bà Nông Thị A. Năm 2019, ông I chết nên phần đất này bà đã giao cho con trai là anh Mã Văn D sử dụng. Tuy nhiên vào tháng 11 năm 2021 anh Nông Văn G đã tự ý cho người mang cưa đến khai thác cây do gia đình bà trồng với số lượng là 15 cây thông, 10 cây sa mộc, đồng thời anh G đã tự ý đào rãnh, phân chia lô đất thành 02 phần. Nay bà yêu cầu anh G phải bồi thường số cây đã chặt phá với số tiền 3.000.000đ. Yêu cầu gia đình ông F, bà H, anh G trả lại phần đất đã xác định theo biên bản thẩm định tại chỗ với diện tích 903m².

Bị đơn ông Nông Văn F, bà Nông Thị H và anh Nông Văn G cùng thống nhất trình bày: Phần đất đang tranh chấp có diện tích khoảng 700m² nằm trong tổng diện tích mà gia đình ông được quản lý khoảng 8.000m², đất có nguồn gốc từ thời ông nội (ông Nông Văn J) để lại, ông F là con cùng với vợ là bà H là người tiếp tục trồng sắn cho đến năm 2001 thì được nhà nước cấp 600 cây thông để trồng nhưng do trâu bò phá hoại nên chỉ còn khoảng 100 cây. Tại thời điểm đó ông F có phát hiện gia đình bà A, ông I (bố mẹ anh D) đã trồng cây sa mộc vào khu vực mà gia đình ông đã trồng cây thông, khi đó ông F có nhắc nhở thì ông I nói rằng đã trót trồng thì cứ để, sau này khai thác cây sẽ trả lại đất sau. Vào năm 2021, anh G gọi người đến xem và mua cây thông thì anh D có yêu cầu xác định ranh giới đất nên hai bên đã thỏa thuận về ranh giới, anh G là người cuốc rãnh mương theo chỉ dẫn của anh D. Sau 15 ngày anh G cho người đến để cùng khai thác 20 cây thông mà gia đình anh đã trồng, khi đó anh D có nhờ chặt giúp cây sa mộc

của gia đình anh D trồng xen canh với cây thông. Sau khi chặt cây, bà A đã làm đơn lên xóm, xã giải quyết với lý do: Anh G tự ý chặt cây, tự đào rãnh để xác định ranh giới giữa 02 thửa đất. Việc bà A nói như vậy là không đúng với thực tế, bởi vì có người chứng kiến việc thỏa thuận về ranh giới mới đào rãnh mương, sau khi đào rãnh mương được 15 ngày mới tiến hành khai thác cây và tại biên bản hòa giải ở xã vào ngày 25/01/2022 đã xác định rõ: Hai bên gia đình đã trồng xen lẫn cây với nhau và thống nhất về ranh giới đã xác định và kiểm đếm cây trên thực địa. Gia đình anh G sẽ trả tiền cho anh D với số tiền là 2.000.000đ. Sau 04 tháng kể từ ngày thỏa thuận, gia đình anh D bị em trai gây áp lực nên đã thay đổi sự thỏa thuận. Đồng thời yêu cầu được sử dụng phần diện tích đất đang tranh chấp và bồi thường số cây bị chặt gia đình không nhất trí, gia đình anh G chỉ đồng ý trả cho gia đình bà A với số tiền 2.000.000đ để bà A chặt những cây sa mộc còn lại và trả lại phần đất đang tranh chấp cho gia đình. Nếu gia đình bà A không nhất trí phân chia theo ranh giới đã xác định thì gia đình ông F, bà H và anh G yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ khu đất đang tranh chấp với diện tích khoảng 8.000m².

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; biên bản định giá tài sản ngày 28/7/2022, xác định được như sau:

Phần đất đang tranh chấp giữa gia đình bà A với gia đình ông F có diện tích 2344m² (theo anh G xác định). Theo gia đình anh D xác định thì phần diện tích đang tranh chấp là 903m², trong đó phần đất của gia đình anh là 869,8m², phần đất còn lại theo anh G xác định thì anh G còn lại 571,2m². Phần cây thông, sa mộc do anh G chặt được xác định nằm trong diện tích 903m². Về giá trị số cây bị chặt theo hai bên đương sự xác định là 25 cây (10 cây sa mộc, 15 cây thông) hai bên gia đình thống nhất giá trị của cây bị chặt là 3.000.000đ.

Tại phiên tòa:

Các bên đương sự không chấp nhận sự thỏa thuận và giữ nguyên yêu cầu tranh chấp đất, yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Có căn cứ để cho rằng anh G là người chặt cây sa mộc và đã thỏa thuận về số tiền phải bồi thường là 3.000.000đ. Đối với cây thông, chưa có căn cứ để xác định ai là người trồng nên anh G cũng phải bồi thường ½ giá trị thiệt hại. Đối với phần đất đang tranh chấp có căn cứ để xác định gia đình bà A, anh D đã sử dụng từ năm 1992, đã trồng cây và hiện tại còn 41 cây sa mộc nên cần chấp nhận yêu cầu theo ranh giới mà gia đình anh D đã xác định tại biên bản thẩm định tại chỗ. Về chi phí tố tụng và án phí, gia đình anh G phải chịu toàn bộ.

Tại bản án sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng đã:

Căn cứ khoản 6, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai; khoản 2 Điều 164, các điều 170, khoản 1 Điều 175; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu trả lại đất và đòi bồi thường thiệt hại tài sản của bà Nông Thị A và anh Mã Văn D.

Ranh giới giữa hai phần đất đang tranh chấp được xác định bởi một đường thẳng do Hội đồng thẩm định đã xác lập, cụ thể:

Gia đình bà A, anh D được sử dụng phần đất tại phía Bắc tiếp giáp với thửa đất của ông Nông Văn Tương có diện tích 869,8m² (có sơ đồ kèm theo).

Gia đình ông F, bà H, anh G được quản lý, sử dụng phần đất và cây hiện có tại phía Nam tiếp giáp với thửa đất ông Nông Văn Hính có diện tích là 1474,2m² (có sơ đồ kèm theo). Gia đình anh G có trách nhiệm thanh toán và hỗ trợ số tiền cây còn lại trên đất cho gia đình anh D là 2.000.000đ (hai tF đồng)

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29 tháng 9 năm 2022 nguyên đơn Nông Thị A có đơn kháng cáo Toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng. Đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho phía nguyên đơn. Yêu cầu HĐXX cấp phúc thẩm công nhận quyền sử dụng 903m² và tài sản trên đất là cây sa mộc và cây thông cho gia đình nguyên đơn; Buộc ông Nông Văn G phải bồi thường cho gia đình nguyên đơn số tài sản mà ông Tam đã chặt trái pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Đề nghị HĐXX xem xét lại toàn bộ bản án của Tòa án cấp sơ thẩm.

Trợ giúp viên pháp lý Nông Văn E trình bày: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng: công nhận quyền sử dụng 903m² và tài sản trên đất là cây sa mộc và cây thông cho gia đình nguyên đơn; Buộc ông Nông Văn G phải bồi thường cho gia đình nguyên đơn số tài sản mà ông Tam đã chặt trái pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn có ý kiến: Không nhất trí yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 hủy bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Diện tích đất có tranh chấp có địa chỉ K, xóm B, xã C, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng. Theo quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn Nông Thị A khởi kiện yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi bồi thường thiệt hại về tài sản trên đất, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án với quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” là đúng theo quy định tại khoản 6, 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của nguyên đơn Nông Thị A: Nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án, công nhận quyền sử dụng 903m² và tài sản trên đất là cây Sao Mộc và cây thông cho gia đình nguyên đơn; Buộc ông Nông Văn G phải bồi thường cho gia đình nguyên đơn số tài sản mà ông Tam đã chặt trái pháp luật. Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và qua phần tranh tụng tại phiên tòa. HĐXX xét thấy:

Thứ nhất, về thủ tục tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định thiếu người tham gia tố tụng, phần đất tranh chấp nằm trong thửa 401 thuộc tờ bản đồ số 2 có tổng diện tích 29846m² là đất rừng phòng hộ được Ủy ban nhân dân huyện Hạ Lang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 07 hộ gia đình cùng sử dụng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh và đưa 05 hộ gia đình cùng sử dụng thửa 401 vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Đất tranh chấp là đất rừng phòng hộ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng cấp sơ thẩm không xác định cơ quan chuyên môn gồm: Hạt lâm nghiệp huyện Hạ Lang, Ủy ban nhân dân xã C, Ủy ban nhân dân huyện Hạ Lang vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn và bị đơn đều khai rằng có sự việc chặt cây sa mộc và cây thông để bán trên phần đất tranh chấp nhưng bản án sơ thẩm không đưa người mua cây vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng là thiếu sót.

Thứ hai, Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp chung cho 07 gia đình cùng sử dụng thửa 401 không thể hiện ranh giới cụ thể của từng hộ mà ranh giới do các hộ tự thiết lập tuy nhiên khi đi xem xét, thẩm định và đo đạc thửa đất cấp sơ thẩm không mời 05 hộ còn lại tham gia xem xét thẩm định mà chỉ đo theo nguyên đơn và bị đơn xác định ranh giới như vậy là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền lợi của những người có đất giáp ranh. Ngoài ra sơ đồ tranh chấp đất đai kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/8/2022 không thể hiện tứ cận tiếp giáp, không thể hiện rõ ranh giới tranh chấp.

Thứ ba, Quyết định của bản án sơ thẩm tuyên “*Không chấp nhận yêu cầu trả lại đất và đòi bồi thường thiệt hại tài sản của bà Nông Thị A và anh Mã Văn D*” tuy nhiên phần sau lại tuyên “*Gia đình bà A, anh D được sử dụng phần đất tại phía Bắc tiếp giáp với thửa đất của ông Nông Văn Tương có diện tích 869,8m² (có sơ đồ kèm theo)*” trong khi yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị A là: yêu cầu anh G phải bồi thường số cây đã chặt phá với số tiền 3.000.000đ. Yêu cầu gia đình ông F, bà H, anh G trả lại phần đất đã xác định theo biên bản thẩm định tại chỗ với diện tích 903m². Phần quyết định của bản án tuyên gia đình bà A, anh D được sử dụng phần đất có diện tích 869,8m² (có sơ đồ trích đo kèm theo), tuy nhiên không ghi sơ đồ đo vẽ ngày tháng năm nào và sơ đồ đo vẽ ngày 03/8/2022 không thể hiện ranh giới phần đất có diện tích 869,8m² cũng như tứ cận tiếp giáp. Như vậy sẽ gây khó khăn cho công tác thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra bản án sơ thẩm cũng chưa nhận định và quyết định về yêu cầu anh G phải bồi thường số cây đã chặt phá với số tiền 3.000.000đ của nguyên đơn Nông Thị A. Như vậy là Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, giải quyết hết yêu cầu của nguyên đơn trong vụ án đã được thụ lý.

Thứ tư, về chi phí tố tụng: Bản án sơ thẩm tuyên nguyên đơn Nông Thị A được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, được sử dụng phần đất có diện tích 869,8m² tuy nhiên lại buộc Bà A, anh D phải chịu 4.000.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 157 bộ luật tố tụng dân sự “*Đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nếu yêu cầu của họ không được chấp nhận*”. Trong vụ án này nguyên đơn đã được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nhưng tòa án cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là không phù hợp với quy định của pháp luật. Bên cạnh đó anh D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, do vậy buộc anh D phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là không đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích và nhận định như trên, xét thấy thiếu sót của tòa án cấp sơ thẩm không thể khắc phục được, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án. Do vậy cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng và chuyển hồ sơ lại cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do vậy nguyên đơn kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nông Thị A. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng. Chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Nguyên đơn Nông Thị A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh CB;
- Chi cục THADS huyện HL;
- TAND huyện Hạ Lang;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngôn Ngọc Viên